

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/KDTM-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2024
V/v: T/C hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Nguyệt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Dương Thị Diễm**

2. Bà **Bùi Thị Hạnh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 32/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 2 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: .../2024/QĐST-HPT ngày ... tháng ... năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

NGÂN HÀNG A – Chi nhánh C; Trụ sở chính: Số 2 phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

Công ty cổ phần T; Trụ sở chính: số 7 – LK5D, làng V, khu đô thị mới M, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Lê Như T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần B; Địa chỉ: số 66 đường C, phường D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Thanh H – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Như T; Sinh năm 1979; HKTT: Số 16 ngách H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Và vợ bà **Nguyễn Thị H;** Sinh năm 1981; HKTT: Số 16 ngách H, phường K,

quận T, thành phố Hà Nội.

Có mặt:

.....

.....

Vắng mặt:

.....

.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A- Chi nhánh M do người đại diện theo ủy quyền bà Bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện; bản tự khai và những lần làm việc tại Tòa án.

Giữa Ngân hàng A– Chi nhánh M (**sau đây viết tắt là Agribank Mỹ Đình**) và **Công ty cổ phần T** có quan hệ tín dụng theo các Hợp đồng sau:

(1). Khoản vay thứ 1: Hợp đồng tín dụng số: 1410-LAV-201800xxx ngày 05/04/2018.

- Số tiền cho vay tối đa là: 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn).

- Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư vốn dài hạn Dự án Khu liên hiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phế phụ phẩm nông nghiệp và trại sản xuất bò giống cao sản chất lượng cao tại Thôn T, xã Y, thành phố H, tỉnh H.

- Thời hạn cho vay: Tối đa 7 năm (84 tháng, bao gồm 12 tháng ân hạn, kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu);

- Phương thức cho vay: cho vay theo dự án đầu tư

- Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay có điều chỉnh 03 tháng/01 lần, bằng trần lãi suất huy động có kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng A – Chi nhánh M công (+) biên độ nhất định nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung, dài hạn của Ngân hàng A – Chi nhánh M tại thời điểm thông báo điều chỉnh;

- Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

- Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 10%/;

(2). Khoản vay thứ 2: Hợp đồng tín dụng số: 1410-LAV-202200xxx ngày 12/12/2022.

- Tổng hạn mức cấp tín dụng (Quy đổi): 120.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng);

- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ 2022-2023.

- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;

- Thời hạn cho vay: Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 08/11/2023. Công ty CP T chỉ được rút vốn vay trong thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng. Khi hết thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng, tùy vào tình hình thực tế, nhu cầu, khả năng của mỗi bên thì hai bên có thể thỏa thuận việc cấp hạn mức mới cho kỳ tiếp theo. Ngân hàng xem xét, quyết định phù hợp thời hạn cấp tín dụng cụ thể, phù hợp với chu kỳ luân chuyển vốn và khả năng thu hồi vốn của Khách hàng theo quy định;

- Lãi suất cho vay trong hạn: Thỏa thuận tại từng lần nhận nợ phù hợp với quy định về lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng A từng thời điểm. Ngân hàng được quyền chủ động điều chỉnh lãi suất cho vay theo định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày mùng 1 tháng đầu tiên của quý tiếp theo đối với toàn bộ dư nợ vay tương ứng cho mỗi kỳ hạn tính lãi. Việc điều chỉnh lãi suất cho vay được Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Khách hàng mà không phải lập phụ lục Hợp đồng về việc thay đổi lãi suất, cụ thể:

Lãi suất cho vay = (bằng) lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ + (cộng) biên độ tối thiểu 2%, không thấp hơn sàn lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh lãi suất;

- Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

- Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng A - Chi nhánh M đã giải ngân cho Công ty Cổ phần T tổng số tiền là: 219.051.672.364 đồng (Hai trăm mười chín tỷ, không trăm năm mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng). Công ty Cổ phần T mới thanh toán được một phần nghĩa vụ là: 97.534.089.224 đồng (Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, năm trăm ba mươi tư triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi tư đồng), trong đó:

- Nợ gốc : 65.254.020.000 đồng

- Nợ lãi : 32.280.069.224 đồng

Tổng số tiền Công ty Cổ phần T còn phải trả nợ Ngân hàng A - Chi nhánh M tính đến ngày ngày 31/12/2023, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

HĐTĐ	Mã giải ngân, nhận nợ số	Dư nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Tổng nghĩa vụ gốc + lãi
1410- LAV- 201800 145 ngày 05/04/2 018	1410LDS2018004 50	2,395,000,0 00	189,507,15 1	14,798,384	2,599,305,53 5
	1410LDS2018004 69	892,125,000	70,590,578	5,493,969	968,209,547
	1410LDS2018004 86	2,617,000,0 00	207,073,60 0	16,117,490	2,840,191,09 0
	1410LDS2018005 17	2,466,130,0 00	195,135,82 8	15,186,356	2,676,452,18 4
	1410LDS2018005 66	980,946,364	77,618,690	6,040,733	1,064,605,78 7
	1410LDS2018005 99	4,770,620,0 00	377,481,69 3	29,375,068	5,177,476,76 1
	1410LDS2018007 33	3,343,574,0 00	264,564,51 7	20,617,973	3,628,756,49 0
	1410LDS2018007 78	330,409,000	26,144,058	2,034,085	358,587,143
	1410LDS2018008 19	3,405,600,0 00	269,472,63 5	20,972,690	3,696,045,32 5
	1410LDS2018009 02	1,497,474,0 00	118,489,62 5	9,221,832	1,625,185,45 7
	1410LDS2018009 30	2,554,200,0 00	202,104,47 6	15,729,518	2,772,033,99 4
	1410LDS2018009 89	1,158,924,0 00	91,701,438	7,133,153	1,257,758,59 1
	1410LDS2018010 62	3,800,250,0 00	300,699,84 3	23,403,062	4,124,352,90 5
	1410LDS2018012 06	3,635,280,0 00	287,646,37 2	22,387,128	3,945,313,50 0
	1410LDS2018012	294,884,000	23,333,073	1,817,929	320,035,002

	66				
	1410LDS2018014 32	1,024,500,0 00	81,064,896	6,312,868	1,111,877,76 4
	1410LDS2018014 78	968,440,000	76,629,107	5,963,693	1,051,032,80 0
	1410LDS2019004 38	139,796,000	11,061,606	853,540	151,711,146
	1410LDS2019013 84	941,500,000	74,497,493	5,791,877	1,021,789,37 0
1410- LAV- 202200 637 ngày 12/12/2 022	1410LDS2022015 92	41,987,055, 000	3,628,289, 574	626,929,999	46,242,274,5 73
	1410LDS2022016 09	33,566,059, 000	2,832,423, 609	491,995,659	36,890,478,2 68
	1410LDS2022016 17	3,864,000,0 00	326,058,08 1	55,048,767	4,245,106,84 8
	1410LDS2022016 28	21,891,117, 000	1,847,250, 420	308,874,665	24,047,242,0 85
	1410LDS2022016 43	1,725,660,0 00	145,617,33 6	23,875,570	1,895,152,90 6
	1410LDS2022016 67	13,547,109, 000	1,143,153, 306	187,432,604	14,877,694,9 10
TỔNG		153,797,652 ,364	12,867,609 ,005	1,923,408,612	168,588,669, 981

3. Các hợp đồng bảo đảm cho các khoản vay:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản tiền vay trên, Công ty cổ phần T đã dùng tài sản của mình và bên thứ ba để thế chấp tại Ngân hàng A Chi Nhánh M. Chi tiết tài sản đảm bảo như sau:

a) Tài sản đảm bảo thứ nhất: Động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần T.

- Ngày 16/01/2019, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A - Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-201900xxx. Ngày 18/12/2020, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A - Chi

nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T đã tiến hành ký Hợp đồng sửa đổi lần 1 Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-201900xxx về việc thay đổi giá trị tài sản bảo đảm và nghĩa vụ được bảo đảm. Ngày 29/03/2022, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A - Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T đã tiến hành ký Hợp đồng sửa đổi lần 2 Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-201900xxx về việc thay đổi giá trị tài sản bảo đảm và nghĩa vụ được bảo đảm.

- Mô tả tài sản: Xe ô tô MERCEDES - BENZ, Biển số: 29A-67x.xx và Xe ô tô MERCEDES - BENZ, Biển số 29A-21x.xx thuộc sở hữu của Công ty CP T.

<p>Xe ô tô MERCEDES - BENZ, Biển số: 29A-67x.xx</p> <p>- Loại phương tiện: C230 ô tô con 5 chỗ</p> <p>- Nhãn hiệu: MERCEDES-BENZ</p> <p>- Số loại: C230</p> <p>- Số máy: 27292130745xxx</p> <p>- Số khung: RLMGF52X67V000xxx</p> <p>- Năm, nước sản xuất: 2007, Việt Nam</p> <p>- Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm</p> <p>- Loại nhiên liệu: Xăng</p> <p>- Màu sơn: Đen</p>	<p>Xe ô tô MERCEDES - BENZ, Biển số 29A-21x.xx</p> <p>- Loại phương tiện: GL350 ô tô con 7 chỗ</p> <p>- Nhãn hiệu: MERCEDES BENZ</p> <p>- Số loại: GL350</p> <p>- Số máy: 642820-40857xxx</p> <p>- Số khung: 4JGBF2FE3AA538xxx</p> <p>- Năm, nước sản xuất: 2009, Mỹ</p> <p>- Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm</p> <p>- Loại nhiên liệu: Diesel</p> <p>- Màu sơn: Ghi</p> <p>- Thể tích làm việc của động cơ: 2987 cm³</p>
---	---

- Loại tài sản thế chấp: Động sản

- Số tiền thế chấp: 1,165,000,000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

- Phạm vi bảo đảm: 873,750,000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Ngày 16/01/2019, được đăng ký giao dịch tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

b) Tài sản đảm bảo thứ hai: Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần T.

- Ngày 15/02/2019, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A - Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp số: 1410-LCL-201900xxx.

- Mô tả tài sản: Trái phiếu A182801-14100xxx, đợt phát hành 25/12/2018 thuộc sở hữu của Công ty CP T.

- Số tiền thế chấp: 1.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*)

- Phạm vi bảo đảm: 850.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm năm mươi triệu đồng*)

- Ngày 23/10/2019, được Công ty chứng khoán A xác nhận phong tỏa, tạm dừng thực hiện các giao dịch liên quan đến trái phiếu do Ngân hàng A phát hành.

c) Tài sản đảm bảo thứ ba: Giấy tờ có giá thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần T.

- Ngày 04/04/2023, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A - Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp số: 1410-LCL-202300xxx

- Mô tả tài sản thế chấp: Trái phiếu A A223xxx, mã trái chủ: VBA39839-141xxx, phát hành ngày 30/12/2022 thuộc sở hữu của Công ty CP T.

- Số tiền thế chấp: 3.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ đồng*)

- Phạm vi bảo đảm: 2.550.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng*).

- Ngày 14/01/2023, được Công ty chứng khoán A xác nhận phong tỏa Trái phiếu.

d) Tài sản đảm bảo thứ tư: Bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần T theo 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 966xxx, số vào sổ cấp GCN: CT 086xx do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 10/12/2021; DC 966xxx, số vào sổ cấp GCN: CT 086xx do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 10/12/2021; DC 966xxx, số vào sổ cấp GCN: CT 086xx do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 10/12/2021 mang tên Công ty cổ phần T.

- Ngày 01/07/2019, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T&T 159 đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-201900270. Ngày 10/03/2022, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T&T 159 đã tiến hành ký Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-20190xxxx (sửa đổi lần thứ nhất) về việc thay đổi: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị tài sản bảo đảm, nghĩa vụ được bảo đảm và các điều khoản khác. Ngày 09/12/2022, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T&T 159 đã tiến

hành ký Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-20190xxxx (Sửa đổi lần thứ hai) về việc thay đổi giá trị tài sản bảo đảm và nghĩa vụ được bảo đảm

- Mô tả tài sản: Quyền sử dụng đất dự án khu liên hiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phế phụ phẩm nông nghiệp và trại sản xuất bò giống chất lượng cao tại địa chỉ xã Y, thành phố H, tỉnh H thuộc sở hữu của Công ty CP T&T 159.

+ Thửa đất số: 268

+ Tờ bản đồ số: 14

+ Địa chỉ: Xã Y, thành phố H, tỉnh H

+ Diện tích: 164.384,7 m² (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi bốn phẩy bảy mét vuông)

+ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

+ Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác

+ Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/01/2066

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

- Số tiền thế chấp: 116,713,000,000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười sáu tỷ, bảy trăm mười ba triệu đồng).

- Phạm vi bảo đảm: 87,534,750,000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi bảy tỷ, năm trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ngày 01/07/2019 đã được ký giao dịch đảm bảo tại Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình.

e) Tài sản đảm bảo thứ năm: Bất động sản thuộc quyền thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần T theo 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 9666xx, số vào sổ cấp GCN: CT 086xx do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 10/12/2021; DC 9666xx, số vào sổ cấp GCN: CT 086xx do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 10/12/2021; DC 9666xx, số vào sổ cấp GCN: CT 086xx do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 10/12/2021 mang tên Công ty cổ phần T.

- Ngày 10/03/2022, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần T đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-202200xxx. Ngày 09/12/2022, Hai bên đã tiến hành ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 1410-LCL-202200xxx (Sửa đổi lần thứ nhất) về việc thay đổi giá trị tài sản bảo đảm và phạm vi bảo đảm.

- Loại tài sản thế chấp: Bất động sản

- Mô tả tài sản thế chấp: Tài sản gắn liền với đất dự án khu liên hiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi từ phế phụ phẩm nông nghiệp và trại sản xuất bò giống chất lượng cao tại địa chỉ xã Y, thành phố H, tỉnh H.

+ Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng

+ Cấp công trình: Cấp 3

- Số tiền thế chấp: 63,719,000,000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ, bảy trăm mười chín triệu đồng*).

- Phạm vi bảo đảm: 47,789,250,000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Ngày 10/03/2022, đã được ký giao dịch đảm bảo tại Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H.

f) Tài sản đảm bảo thứ sáu: Cổ phần tại Công ty cổ phần T thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần B.

- Ngày 30/11/2022, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Công ty cổ phần B đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp số: 1410-LCL-202200xxx.

- Mô tả tài sản thế chấp: Cổ phần tại Công ty cổ phần T của Công ty cổ phần đầu tư B.

- Số tiền thế chấp là: 51.900.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, chín trăm triệu đồng*).

- Phạm vi bảo đảm: tài sản đảm bảo bổ sung cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần T tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã, đang và sẽ được ký giữa Công ty cổ phần T và Ngân hàng A Chi nhánh M.

- Ngày 12/12/2022 đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

g) Tài sản đảm bảo thứ bảy: Cổ phần tại Công ty cổ phần T thuộc quyền sở hữu của ông Lê Như T.

- Ngày 30/11/2022, Bên nhận thế chấp là: Ngân hàng A Chi nhánh M và Bên thế chấp là: Ông Lê Như T và vợ là Bà Nguyễn Thị H đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp số: 1410-LCL-1410-LCL-202200xxx.

- Mô tả tài sản thế chấp: Cổ phần tại Công ty cổ phần T của ông Lê Như T.

- Số tiền thế chấp: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng)

- Phạm vi bảo đảm: tài sản đảm bảo bổ sung cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần T tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã, đang và sẽ được ký giữa Công ty cổ phần T và Ngân hàng A Chi nhánh M.

- Ngày 12/12/2022 đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

4. Quá trình đôn đốc thu hồi nợ:

Ngân hàng A Chi nhánh M đã nhiều lần làm việc trực tiếp, đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện và có văn bản yêu cầu **Công ty cổ phần T** khắc phục khó khăn, thu xếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, yêu cầu **Công ty và Bên thứ ba** thực hiện nghĩa vụ theo các Hợp đồng thế chấp tài sản.

Tuy nhiên, tính đến nay, **Công ty cổ phần T** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Agribank, **Ông Lê Như T và vợ là Bà Nguyễn Thị H, Công ty cổ phần B** có tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng A gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của ngân hàng A.

5. Các yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

Từ các nội dung trình bày ở trên, Ngân hàng A chi nhánh M chúng tôi kính đề nghị quý Toà án giúp đỡ giải quyết những vấn đề sau:

1. Tuyên buộc **Công ty cổ phần T** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết **ngày 31/12/2023 là: 168,588,669,981 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi một đồng)**, trong đó:

- Nợ gốc : **153.797.652.364** đồng
- Nợ lãi : **14,791,017,617** đồng

2. Tuyên buộc **Công ty cổ phần T** phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: **1410-LAV-201800xxx, 1410-LAV-202200xxx**, cho đến ngày thực tế **Công ty cổ phần T** trả hết nợ gốc cho ngân hàng A.

3. Tuyên nếu **Công ty cổ phần T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng A thông qua ngân hàng A Chi nhánh M có quyền tự thực hiện xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của **Ông Lê Như T và vợ là Bà Nguyễn**

Thị H, Công ty cổ phần T, Công ty cổ phần B theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

4. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ thanh toán (nợ gốc, lãi, phí, chi phí liên quan) cho ngân hàng A thì ngân hàng A thông qua A Chi nhánh M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của **Công ty cổ phần T** để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

Ngoài những thông tin trên nguyên đơn không trình bày gì thêm.

*** Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu độc lập, không cung cấp các tài liệu chứng cứ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, biên bản hòa giải và làm việc của các bên đương sự tại Tòa án để giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tổng đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày ... tháng ... năm 2024, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn **Công ty cổ phần T** phải trả toàn bộ khoản nợ trên cho ngân hàng A chi nhánh M tạm tính đến **31/12/2023 là: 168,588,669,981 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi một đồng*) và toàn bộ khoản lãi phát sinh đến **Công ty cổ phần T** trả hết nợ ngân hàng.

Đồng thời, **Công ty cổ phần T** còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay nêu trên sau ngày **31/12/2023**, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng **A chi nhánh M**.

Đối với Hình thức bảo đảm tiền vay cho khoản vay của các bị đơn tại ngân hàng **A chi nhánh M** đều được thế chấp theo đúng quy định. Xét các hợp đồng thế chấp về mặt nội dung và hình thức đều đảm bảo đầy đủ theo quy định của pháp luật, cần được chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của nguyên đơn trong trường hợp các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phân hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn Ngân hàng A – Chi nhánh M yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 1410-LAV-201800xxx ngày 05/04/2018; Hợp đồng tín dụng số: 1410-LAV-202200xxx ngày 12/12/2022 ký với Công ty cổ phần T, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tham gia các phiên làm việc tại Tòa án theo đúng quy định. Bị đơn **Công ty cổ phần T** – Người đại theo pháp luật: ông Lê Như T; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã ra quyết định xét xử theo đúng thời hạn luật định. Tại phiên tòa ngày .../.../2024, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số: .../2024/QĐST-HPT ngày ... tháng ... năm 2024. Tại phiên tòa hôm nay, các bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người đại diện theo pháp luật của các bị đơn là ông Lê Như T vẫn vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

.....
.....
.....
.....

[3] Về nội dung:

- **Hợp đồng tín dụng số 1410-LAV-201800xxx** ngày 05/04/2018 và **Hợp đồng tín dụng số: 1410-LAV-202200xxx** ngày 12/12/2022. giữa **Công ty cổ phần T** và Ngân hàng **A chi nhánh M** quá trình thực hiện Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng đã ký; **Công ty cổ phần T** đã ký khế ước nhận nợ đúng nội dung HĐTD.

Xét Hợp đồng tín dụng giữa **Công ty cổ phần T** và Ngân hàng **A chi nhánh M** được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng tín dụng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm ký hợp đồng, các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, **Công ty cổ phần T** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã có nhiều thông báo cho công ty về khoản nợ trên đã được chuyển sang thành nợ quá hạn theo quy định của các Hợp đồng tín dụng quy định về thời hạn và phương thức trả nợ nhưng công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

- Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do đó, việc Ngân hàng **A chi nhánh M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc **Công ty cổ phần T** phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày trong các buổi làm việc tại Tòa án:

Tuyên buộc **Công ty cổ phần T** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết **ngày 31/12/2023 là: 168,588,669,981 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm tám mươi một đồng*), trong đó:

- Nợ gốc : **153.797.652.364** đồng
- Nợ lãi : **14,791,017,617** đồng

Tuyên buộc **Công ty cổ phần T** phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức

lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: **1410-LAV-201800xxx, 1410-LAV-202200xxx**, cho đến ngày thực tế **Công ty cổ phần T** trả hết nợ gốc cho ngân hàng A.

Tuyên nếu **Công ty cổ phần T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng A thông qua A Chi nhánh M có quyền tự thực hiện xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của **Ông Lê Như T và vợ là Bà Nguyễn Thị H, Công ty cổ phần T, Công ty cổ phần B** theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ thanh toán (nợ gốc, lãi, phí, chi phí liên quan) cho ngân hàng A thì ngân hàng A thông qua A Chi nhánh M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của **Công ty cổ phần T** để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

.....
.....
.....
.....

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng A chi nhánh M:
Đối với các tài sản bảo đảm:

.....
.....
.....
.....

Về hình thức cũng như nội dung khi thực hiện hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng thế chấp về mặt nội dung và hình thức đều đảm bảo đầy đủ theo quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[5] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng **A chi nhánh M**.

.....
.....
.....
.....

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, **Công ty cổ phần T** không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng **A chi nhánh M** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

.....
.....
.....

- Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng, nếu có dư nợ Ngân hàng **A chi nhánh M** phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiếp tục phải trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.

3. Do các bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Công ty cổ phần T phải chịu đồng (Bằng chữ: đồng) án phí sơ thẩm;

- Ngân hàng A chi nhánh M không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 138.294.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 00048xx ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tháng ... năm 2024. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt

